TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **388**/2019/QĐST-HNGĐ	*Thanh Trì, ngày 14 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn thụ lý số 569/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019, giữa:

- **Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kiều L**, sinh năm 1985

- **Bị đơn: Anh Trần Văn P**, sinh năm 1983

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Cùng nơi cư trú: xã T, huyện T thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Mục 1.1-1.II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2019 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị **Lê Thị Kiều L**, sinh năm 1985

- Anh **Trần Văn P**, sinh năm 1983

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

****Về quan hệ hôn nhân:*** Chị Lê Thị Kiều Lvà anh Trần Văn P xác định vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không hạnh phúc, cùng thuận tình ly hôn.

****Về con chung:*** Chị Lê Thị Kiều Lvà anh Trần Văn P xác nhận có 01 con chung là cháu Trần Lê Yến N (Giới tính nữ), sinh ngày 28.02.2011, sức khỏe bình thường.

Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của anh chị: Giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Yến N; Anh P cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng kể từ khi Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Yến N đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

****Về tài sản chung và nhà ở chung:*** Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xét.

****Về công nợ:*** Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xét.

****Về án phí:*** Chị Lê Thị Kiều L tự nguyện chịu cả số tiền 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và chịu thay anh Trần Văn P tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0006258 ngày 29/10/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Huyền Thu

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS Huyện Thanh Trì;
- UBND xã V, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;
(GCNKH số 25 ngày 10.8.2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.